

Số: /2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO
Phiên bản 2.0

QUYẾT ĐỊNH

QUY ĐỊNH THÍ ĐIỂM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU SẢN PHẨM PHẦN MỀM, DỊCH VỤ PHẦN MỀM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về chính sách ưu đãi thuế thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định thí điểm quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định thí điểm về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức cá nhân, thương nhân có quyền, nghĩa vụ và hoạt động liên quan tới xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm;
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Phần mềm” là các dữ liệu, chương trình hoặc hướng dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác khi chuyển tải vào một thiết bị xử lý dữ liệu thì có khả năng làm thiết bị đó thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể; được phân loại, định danh theo Danh mục sản phẩm phần mềm tại quy định pháp luật về công nghệ thông tin. Các sản phẩm âm thanh, phim hoặc hình ảnh không được coi là phần mềm theo quy định này.

2. Phần mềm là dịch vụ (Software as Service - SaS): phần mềm thuộc sở hữu của nhà cung cấp (người bán), khách hàng được cấp quyền sử dụng thông qua môi trường mạng trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên.

3. Dịch vụ phần mềm: là hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, cài đặt, khai thác, sử dụng, nâng cấp, bảo hành, bảo trì phần mềm và các hoạt động tương tự khác liên quan đến phần mềm. Danh mục dịch vụ phần mềm được quy định theo pháp luật về công nghệ thông tin.

4. “Phương tiện trung gian” là đĩa mềm, đĩa CD, đĩa DVD, băng từ, thẻ từ, ổ cứng ngoài hoặc bất kỳ vật thể nào lưu giữ được thông tin, được sử dụng như một phương tiện lưu giữ tạm thời hoặc để chuyển tải phần mềm. Để sử dụng, phần mềm được chuyển, cài đặt hoặc tích hợp vào thiết bị xử lý dữ liệu. Phương tiện trung gian không bao gồm các mạch tích hợp, vi mạch, bán dẫn và các thiết bị tương tự hoặc các bộ phận gắn vào các bảng mạch hoặc thiết bị đó.

5. Giấy phép sử dụng phần mềm (Software license): thỏa thuận giữa nhà sản xuất và người mua cho phép sử dụng phần mềm theo cách thức nào (không bao gồm chuyển giao quyền sở hữu, chuyển giao công nghệ của phần mềm).

Điều 3. Xác định trị giá, trị giá hải quan đối với sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm

1. Trị giá của dịch vụ phần mềm là trị giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán căn cứ trên hóa đơn thương mại.

2. Trị giá, trị giá hải quan đối với sản phẩm phần mềm nhập khẩu là trị giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán, không bao gồm trị giá của hàng hóa nhập khẩu là phương tiện trung gian chứa sản phẩm phần mềm nếu trên hóa đơn thương mại, trị giá của sản phẩm phần mềm được tách riêng với trị giá của phương tiện trung gian.

3. Trị giá hải quan đối với sản phẩm phần mềm nhập khẩu là trị giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán cho sản phẩm phần mềm bao gồm cả trị giá của hàng hóa nhập khẩu là phương tiện trung gian, thiết bị xử lý dữ liệu và chi phí để ghi hoặc cài đặt sản phẩm phần mềm vào hàng hóa nhập khẩu, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Trên hóa đơn thương mại, trị giá của sản phẩm phần mềm không được tách riêng với trị giá của phương tiện trung gian;

b) Sản phẩm phần mềm được ghi, cài đặt hoặc tích hợp trong các hàng hóa nhập khẩu không phải là phương tiện trung gian.

Điều 4. Doanh thu tính thuế nhà thầu đối với phần mềm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu

1. Thu nhập từ tiền giấy phép sử dụng phần mềm là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền được bản địa hóa, khai thác phần mềm nhập khẩu tại thị trường Việt Nam (không bao gồm các khoản tiền trả cho chuyển quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao quyền tác giả, quyền chủ sở hữu tác phẩm, quyền sở hữu công nghiệp, chuyển giao công nghệ và bản quyền phần mềm).

2. Doanh thu tính thuế GTGT thuế nhà thầu là khoản tiền phải trả cho dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có) nếu trên hóa đơn thương mại tách riêng với khoản tiền trả cho giấy phép sử dụng phần mềm, hàng hóa nhập khẩu.

3. Doanh thu tính thuế GTGT thuế nhà thầu là khoản tiền phải trả cho dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có) bao gồm cả khoản tiền phải trả cho giấy phép sử dụng phần mềm nếu thuộc một trong các trường hợp trên hóa đơn thương mại, khoản tiền trả cho dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng không tách với trị giá của giấy phép sử dụng phần mềm, hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Điều 5. Nguyên tắc chung về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm

1. Xuất khẩu, nhập khẩu phần mềm qua cửa khẩu hải quan được thực hiện như thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thương mại và theo quy định tại Quyết định này.
2. Xuất khẩu, nhập khẩu qua mạng là phương thức nhập khẩu phần mềm mà người dùng tải (download) phần mềm từ website của nhà cung cấp phần mềm nước ngoài và thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Quyết định này.
3. Công nhận hợp đồng thương mại xuất khẩu, nhập khẩu phần mềm, dịch vụ phần mềm có xác thực chữ ký điện tử có giá trị pháp lý tương đương với hợp đồng thương mại (bản cứng) khi thực hiện các quy định liên quan của pháp luật.
4. Công nhận khoản thanh toán khi dùng thẻ tín dụng cá nhân là đại diện của doanh nghiệp, tổ chức trả cho khoản chi phí liên quan tới hoạt động sản xuất sản phẩm, dịch vụ phần mềm.
5. Phần mềm, nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm được thông quan hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu tại các điểm thông quan tại khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung (kể các trường hợp vận chuyển hàng hóa qua đường hàng không).
6. Ban quản lý khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung là đầu mối trung gian, tiếp nhận yêu cầu của doanh nghiệp trong địa bàn để làm việc với cơ quan hải quan về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa chuyên ngành phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm.

Chương II

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU SẢN PHẨM PHẦN MỀM QUA CỬA KHẨU HẢI QUAN

Điều 6. Hồ sơ hải quan

1. Người nhập khẩu phần mềm thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan, đối với sản phẩm phần mềm nhập khẩu, người nhập khẩu thực hiện bổ sung hồ sơ hải quan theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Hồ sơ hải quan bổ sung đối với sản phẩm phần mềm nhập khẩu bao gồm:
 - a) Tờ khai bổ sung thông tin về sản phẩm phần mềm nhập khẩu theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định (áp dụng chung đối với khai trên tờ khai hải quan giấy và tạo thông tin tờ khai hải quan trên Hệ thống khai hải quan điện tử);
 - b) Hóa đơn thương mại trong trường hợp người mua phải thanh toán cho người bán có thông tin về sản phẩm phần mềm nhập khẩu: 01 bản sao có công chứng;

c) Giấy phép nhập khẩu đối với sản phẩm phần mềm thuộc Danh mục chi tiết các sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông (nếu có): 01 bản sao có công chứng;

d) Giấy phép sử dụng sản phẩm phần mềm của công ty sản xuất: 01 bản sao.

3. Hồ sơ hải quan bổ sung đối với sản phẩm phần mềm xuất khẩu bao gồm:

a) Tờ khai bổ sung thông tin về sản phẩm phần mềm xuất khẩu theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định (áp dụng chung đối với khai trên tờ khai hải quan giấy và tạo thông tin tờ khai hải quan trên Hệ thống khai hải quan điện tử);

b) Giấy chứng nhận bản quyền của công ty sản xuất phần mềm: 01 bản sao có công chứng.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành chi tiết mẫu hồ sơ đăng ký thông tin sản phẩm phần mềm nhập khẩu, xuất khẩu qua cửa khẩu hải quan.

Chương III

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU SẢN PHẨM PHẦN MỀM, DỊCH VỤ PHẦN MỀM QUA MẠNG

Điều 7. Hồ sơ, thủ tục thực hiện nhập khẩu sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm qua mạng

1. Người nhập khẩu sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm qua mạng thực hiện theo một trong 2 phương thức sau:

a) Gửi hồ sơ đăng ký thông tin sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu qua đường bưu điện về Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Đăng ký thông tin sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thông tin đăng ký bao gồm:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoặc Quyết định/giấy phép thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/văn bản quyết định chủ trương đầu tư: 01 bản sao có chứng thực hoặc có chữ ký điện tử hợp lệ (trường hợp nộp bản sao không có chứng thực thì khi nộp phải mang theo bản chính để đối chiếu);

b) Tờ đăng ký thông tin sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu, dịch vụ phần mềm qua mạng theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định trên giấy hoặc tạo thông tin đăng ký theo hướng dẫn tại Cổng thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Hóa đơn thương mại trong trường hợp người mua phải thanh toán cho người bán: 01 bản sao có công chứng;

d) Giấy phép nhập khẩu đối với phần mềm thuộc Danh mục chi tiết các sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông (nếu có): 01 bản sao công chứng;

e) Giấy phép sử dụng phần mềm: 01 bản sao;

f) Thư tín dụng (L/C);

g) Tài liệu chứng minh/giới thiệu về dịch vụ phần mềm do công ty phần mềm nước ngoài cung cấp trên mạng: 01 bản trong trường hợp nhập khẩu dịch vụ phần mềm;

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thông tin sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu/thông tin đăng ký trên Cổng thông tin điện tử, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông phải thông báo cho người nhập khẩu phần mềm để hoàn chỉnh hồ sơ.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hoàn chỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông có Văn bản xác nhận thông tin đăng ký nhập khẩu phần mềm, dịch vụ phần mềm qua mạng cho người nhập khẩu theo mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định. Văn bản xác nhận được lập thành 02 bản, 01 bản để người nhập khẩu nộp cho cơ quan thuế khi làm thủ tục quyết toán thuế, 01 bản để người nhập khẩu lưu.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành chi tiết mẫu hồ sơ đăng ký thông tin sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu qua mạng.

Điều 8. Hồ sơ, thủ tục thực hiện xuất khẩu sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm qua mạng

1. Người xuất khẩu sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm qua mạng thực hiện theo một trong 2 phương thức sau:

a) Gửi hồ sơ đăng ký thông tin sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm xuất khẩu qua đường bưu điện về Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Đăng ký thông tin sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm xuất khẩu trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thông tin đăng ký bao gồm:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoặc Quyết định/giấy phép thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/văn bản quyết định chủ trương đầu tư: 01 bản sao có chứng thực (trường hợp nộp bản sao không có chứng thực thì khi nộp phải mang theo bản chính để đối chiếu);

b) Tờ đăng ký thông tin hoạt động xuất khẩu phần mềm, dịch vụ phần mềm trên giấy hoặc tạo thông tin đăng ký điện tử trên Cổng thông tin điện tử theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

c) Chứng nhận bản quyền phần mềm của công ty sản xuất phần mềm: 01 bản sao có công chứng;

d) Thư tín dụng (L/C);

e) Tài liệu chứng minh/giới thiệu về dịch vụ phần mềm do doanh nghiệp cung cấp trên mạng: 01 bản trong trường hợp xuất khẩu dịch vụ phần mềm.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thông tin sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm xuất khẩu/thông tin đăng ký trên Cổng thông tin điện tử, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông phải thông báo cho người xuất khẩu phần mềm để hoàn chỉnh hồ sơ.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hoàn chỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông có Văn bản xác nhận thông tin đăng ký hoạt động xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm cho người xuất khẩu theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định. Văn bản xác nhận được lập thành 02 bản, 01 bản để người nhập khẩu nộp cho cơ quan thuế khi làm thủ tục quyết toán thuế, 01 bản để người xuất khẩu lưu.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành chi tiết mẫu hồ sơ đăng ký thông tin sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu qua mạng.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 9. Quyền của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm theo quy định tại Quyết định này được:

- a) Công nhận hoạt động kinh doanh đáp ứng quy trình sản xuất sản phẩm phần mềm đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký thông tin hoạt động xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm để hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- b) Giá trị của sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu tại Văn bản xác nhận thông tin đăng ký phần mềm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu qua mạng của Bộ Thông tin và Truyền thông được tính vào chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp;
- c) Giá trị sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm xuất khẩu ghi tại Văn bản xác nhận thông tin đăng ký hoạt động sản phẩm, dịch vụ phần mềm xuất khẩu của Bộ Thông tin và Truyền thông được tính vào thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn, giảm thuế trong trường hợp đang hưởng ưu theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm

Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm theo quy định tại Quyết định này có nghĩa vụ:

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu;
- b) Thực hiện việc đăng ký thông tin phần mềm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu, thông tin sản phẩm, dịch vụ phần mềm xuất khẩu theo quy định tại Quyết định này;
- c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đăng ký về sản phẩm, dịch vụ phần mềm nhập khẩu, hoạt động xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ phần mềm theo quy định tại Quyết định này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

- a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai Quyết định này. Trường hợp có những vấn đề phát sinh

ngoài khả năng xử lý và vượt thẩm quyền của các bộ, ngành liên quan, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ;

b) Tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai thí điểm quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm sau 01 năm triển khai và định kỳ các năm tiếp theo; kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện;

c) Lưu trữ, quản lý thông tin đăng ký, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm của doanh nghiệp;

d) Định kỳ 06 tháng đăng tải thông tin về tên doanh nghiệp thực hiện đăng ký thông tin hợp đồng xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm làm căn cứ để cơ quan thuế áp dụng chính sách ưu đãi đối với hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm theo quy định của pháp luật;

e) Hàng năm xếp hạng 20 doanh nghiệp có doanh thu xuất khẩu phần mềm hàng đầu.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Tổ chức thống kê phần mềm nhập khẩu qua cửa hải quan;

b) Hướng dẫn cơ quan thuế, cán bộ thuế, cán bộ hải quan thực hiện các quy định của Quyết định này đối với các hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại đối với ngành công nghệ thông tin;

b) Chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Đề án tăng cường xúc tiến thương mại đối với lĩnh vực sản xuất, dịch vụ phần mềm.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm:

Phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu phần mềm, thống kê hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phần mềm.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017, có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;

Nguyễn Xuân Phúc

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).